

Số: /BC-GDTrH

Vĩnh Bảo, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết cấp THCS năm học 2023-2024

Căn cứ Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng; Công văn số 2766/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT Hải Phòng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024;

Thực hiện Công văn số 1552/SGDDĐT-GDTrH ngày 28/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn báo cáo tổng kết giáo dục trung học năm học 2023-2024. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 của các trường TH&THCS, THCS trên địa bàn huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Bảo báo cáo tổng kết cấp THCS năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh, giáo viên

Năm học 2023-2024 toàn huyện có 19 trường THCS trong đó có 01 trường TH&THCS. Toàn huyện có 315 lớp với 12.471 học sinh (HS), học sinh khuyết tật, hòa nhập là 91 HS; học sinh dân tộc thiểu số là 26 HS; số học sinh bỏ học là 18 HS (Trường có học sinh bỏ học cao là THCS Tiên Phong, - Vĩnh Phong: 4 HS, Hiệp Hòa -Hùng Tiến:4 HS); học sinh rèn luyện trong hè là 52 (THCS Giang Biên 16, Tiên Phong-Vĩnh Phong 21); học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kỳ nghỉ hè 236 học sinh.

Các chỉ số	Năm học	
	2022-2023	2023-2024
Quy mô trường	22	19
Số lớp	297	315
Tổng số học sinh	11.374	12.471
Học sinh nữ	5.809	6.102
Số học sinh khuyết tật, hòa nhập	80	108
Số HS lớp 6,7,8 rèn luyện lại trong hè	77	52
Số HS lớp 6,7,8 kiểm tra, đánh giá lại các môn học	159	236
Số HS lưu ban	23	0
Số học sinh bỏ học	14	18

(Phụ lục 1, 8,9)

Toàn huyện tổng số có 592 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó có 40 CBQL; Nhân viên 41, giáo viên giảng dạy 511. (Phụ lục 2.1)

2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

2.1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục

Trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn: có 40/40 cán bộ đạt chuẩn đạt tỷ lệ 100%, Giáo viên đạt chuẩn (Đại học) có 498/511 GV đạt 97,4%; dưới chuẩn 12/511 chiếm tỷ lệ 0.023%. Trong đó có 4 giáo viên không thuộc diện học tập nâng chuẩn. *Cụ thể:*

Các chỉ số	Năm học	
	2022-2023	2023-2024
<i>TS CBQL</i>	43	40
<i>TS GV</i>	509	511
<i>Thạc sĩ</i>	05	07
<i>Đại học</i>	488	491
<i>Cao đẳng</i>	19	12
<i>Tỷ lệ GV/lớp</i>	1.792	1.668

Về số lượng đội ngũ giáo viên, toàn huyện có 511 giáo viên, đạt tỷ lệ 1.62GV/lớp; thiếu so với định mức 1.9 GV/lớp là 87 giáo viên; thiếu so với định biên giao năm 2024 là 48 giáo viên; thiếu cục bộ theo môn là 94 giáo viên.

(Phụ lục 2.1, 2.2, 2.3)

2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục

Về các phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học, 100% các trường đều đảm bảo tỷ lệ 01 phòng/lớp, tổng số phòng học là 325 phòng/315 lớp, đạt tỷ lệ 1.03%. Tổng số phòng học chức năng 104, phòng phụ trợ 75, phòng học bộ môn 116, tăng phòng so với năm học trước; về thiết bị dạy học, trong năm học, các trường tiếp tục tăng cường mua sắm bổ sung về thiết bị dạy học được huy động từ nhiều nguồn kinh như ngân sách Nhà nước, nguồn học phí và xã hội hóa giáo dục với tổng số tiền là 9.603.334.624 đồng (Phụ lục 3, 4).

2.3. Về kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cụ thể như sau

Năm học 2023-2024, Phòng GD&ĐT huyện đã tham mưu UBND huyện ban hành kế hoạch để chỉ đạo các trường THCS đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường chuẩn Quốc gia với các giải pháp cụ thể như sau:

Căn cứ Kế hoạch của UBND huyện, phòng GD&ĐT huyện chỉ đạo các trường chủ động xây dựng kế hoạch trường chuẩn Quốc gia, kiểm định chất lượng gắn với thực hiện Chương trình nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2023 như THCS Nhân Hòa-Tam Đa, THCS Tân Hưng-Thị Trấn, THCS Tam Cường, THCS Cộng Hiền, THCS Hiệp Hòa - Hùng Tiến, Lý Học- Liên Am-Cao Minh.

Thứ hai, chỉ đạo các trường làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương trong việc đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hướng tới chuẩn trường chuẩn Quốc gia theo lộ trình nông thôn mới kiểu mẫu. Đồng thời chỉ đạo làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong việc duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng, đầu tư mua sắm trang thiết bị nhà trường bằng nhiều nguồn lực.

Thứ ba, các đơn vị chủ động học tập các trường đạt chuẩn Quốc gia trong huyện để tiếp thu kinh nghiệm trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và hoàn thiện hồ sơ trường chuẩn Quốc gia trong từng giai đoạn.

Thứ tư, Phòng GD&ĐT huyện đã chỉ đạo các trường tập trung cao trong việc hoàn thiện hồ sơ trường chuẩn Quốc gia, tự kiểm tra hồ sơ theo các tiêu chí đã quy định và tư vấn kỹ thuật cho các trường trong việc mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và làm hồ sơ theo hướng chuẩn Quốc gia theo từng giai đoạn; chủ động tham mưu UBND huyện trình Sở GD&ĐT về kiểm tra kỹ thuật, kết quả đạt được.

Kết quả đã có 04 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: Trong đó trường THCS Lý Học-Liên Am, THCS Hiệp Hòa - Hùng Tiến đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1, trường THCS Nhân Hòa-Tam Đa và Trường THCS Tân Hưng-Thị Trấn được công nhận nâng chuẩn mức độ 2, (*Phụ lục 5*).

3. Kết quả thực hiện PCGD THCS

3.1. Về quản lý, chỉ đạo thực hiện

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời chỉ đạo ban hành các công văn thực hiện rà soát công tác phổ cập giáo dục (PCGD), bước đầu đã có những chuyển biến rõ trong quản lý, chỉ đạo và điều hành. Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn công tác phổ cập giáo dục, có hướng dẫn phụ lục. Tuy nhiên bên cạnh đó giáo dục trung học của huyện vẫn còn tồn tại, hạn chế như: hàng năm cấp THCS vẫn còn một số học sinh bỏ học ở một số đơn vị. Công tác giáo dục hướng nghiệp tại các trường THCS, THPT hiệu quả chưa cao; Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học nghề còn thấp đạt 10,02%. Cơ sở vật chất kỹ thuật của TTGDNN-GDTH của huyện còn gặp nhiều khó khăn, nhất là nguồn kinh phí chi cho công tác PCGD còn hạn chế.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do một số gia đình còn gặp hoàn cảnh khó khăn nên chưa có điều kiện quan tâm tới việc học tập của con em mình; công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác giáo dục hướng nghiệp chưa được tập trung cao; Do tâm lý, nhận thức của người dân về học nghề, hướng nghiệp cho con em còn hạn chế dẫn đến tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS còn hạn chế, (Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 THPT năm học 2022 - 2023 đạt 89,92%, năm học 2023-2024 đạt 88,67%).

3.2. Công tác kiểm tra, công nhận, quản lý phổ cập

Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 hàng năm luôn đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS luôn vượt so với chỉ tiêu. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp đạt trên 98.8%; Tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban dưới luôn dưới 1% (0.16%). Số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục trong nhiều năm qua luôn đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,9% trở lên. Tỷ lệ phân luồng học sinh sau TN THCS năm sau cao hơn năm trước.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

1.1. Công việc đã triển khai

Các trường đã triển khai nghiêm túc Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH về việc điều chỉnh nội dung dạy học của Bộ GD&ĐT; Công văn số 2156/SGDĐT-TrH ngày 15/8/2023 về việc Hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024; Công văn số 118/KH-SGDĐT ngày 27/9/2023 về việc xây dựng Kế hoạch bài dạy điện tử theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

1.2. Kết quả thực hiện

Qua theo dõi, kiểm tra, nhìn chung các đơn vị đã quan tâm xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, trong đó chú trọng nội dung dạy học giáo dục đạo đức, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng, môi trường, chủ quyền biên giới hải đảo... phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương; chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua nhiều hình thức dạy học đa dạng gắn với thực tiễn cuộc sống như hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục STEM. Việc xây dựng kế hoạch bài dạy của giáo viên theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học. 100% các đơn vị đã hoàn thiện việc bài kiểm tra đánh giá định kỳ học kì cuối năm và hoàn thiện chương trình trước ngày 20/5/2024.

Đối với học sinh lớp 6,7,8 Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các trường triển khai xây dựng Chương trình GDPT 2018 đối với học sinh lớp 6,7,8 trong đó yêu cầu các đơn vị chỉ đạo tổ nhóm chuyên môn nghiên cứu các văn bản của Bộ và Sở GD&ĐT để xây dựng chương trình các môn đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học và khung thời lượng chương trình. Trong đó chú ý việc tổ chức sắp xếp, phân công nhiệm vụ cho giáo viên dạy Chương trình giáo dục địa phương, môn Lịch sử - Địa lý và môn Khoa học tự nhiên cho khoa học phù hợp với đội ngũ của giáo viên trong nhà trường.

Kết quả học ngoại ngữ, 100% các trường TH&THCS, THCS trong toàn huyện thực hiện Chương trình ngoại ngữ 10 năm của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên năm học 2023-2024 không có đơn vị trường THCS tổ chức liên kết dạy tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài. Về việc tổ chức dạy bộ môn tin học, tổng số máy tính của các trường là 680 máy, tăng 85 máy so với năm học trước; số giáo viên có trình độ Cao Đẳng, Đại học đủ điều kiện dạy môn Tin học là 26 giáo viên. 100% các trường đã thực hiện nghiêm túc dạy môn Tin học đối với học sinh lớp 6, lớp 7, lớp 8.

1.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Về chất lượng môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh trong các kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 còn hạn chế so với các quận/huyện trong thành phố; tình trạng thừa, thiếu giáo viên môn Tiếng Anh vẫn còn tồn tại ở một số đơn vị như THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến, THCS Hưng Nhân, THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long, THCS Việt Tiến - Trung Lập, THCS Giang Biên.

- Về CSVC trang thiết bị môn ngoại ngữ, phòng ngoại ngữ còn thiếu, chưa đáp ứng với nhu cầu tối thiểu của việc dạy và học ngoại ngữ.

- Về đội ngũ giáo viên vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ trong các nhà trường, nhiều trường thừa giáo viên có trình độ Tin học, nhiều trường thiếu không có giáo viên có trình độ dạy môn Tin học¹.

Nguyên nhân do một bộ phận nhỏ giáo viên dạy tiếng Anh chưa thật tích cực trong công tác tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn.

Công tác quản lý chỉ đạo của BGH đối với tổ, nhóm chuyên môn chưa thật sâu sát, chưa có biện pháp cụ thể trong việc bồi dưỡng đội ngũ, cách thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

Việc tổ chức dạy Ngoại ngữ 2 còn gặp nhiều khó khăn do đòi hỏi phải có sự đồng thuận và ủng hộ của cha mẹ học sinh.

2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học

2.1. Công việc đã triển khai

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Bộ và Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT cùng với các trường tập trung cao trong việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cấp cụm, cấp huyện; trong đó chú trọng hình thức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, từ việc xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức lên lớp thực hiện kế hoạch và tiến hành rút kinh nghiệm điều chỉnh kế hoạch bài dạy để triển khai trong tổ/nhóm chuyên môn. Đồng thời khuyến khích các đơn vị đa dạng các hình thức tổ chức dạy học, trong lớp, ngoài lớp, ngoài nhà trường thông qua các hoạt động giáo dục tập thể, hoạt động trải nghiệm.

2.2. Kết quả đạt được

Về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, 100% các trường THCS trong toàn huyện đã thực hiện khá nghiêm túc việc đổi mới phương

¹ THCS Hiệp Hòa - Hùng Tiến: 03 GV Tin, Lý Học - Liên Am - Cao Minh: 03 GV, Việt Tiến-Trung Lập: 02 GV; các trường THCS Cộng Hiền, Dũng Tiến, Thắng Thủy - Vĩnh Long không có giáo viên Tin

pháp dạy học (PPDH) theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giáo án các môn đều thể hiện theo tinh thần đổi mới với việc định hướng năng lực cần hình thành trong tiết học với năng lực chung và năng lực. Giáo án thể hiện rõ các phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực, các hình thức tổ chức dạy học phong phú, trên lớp, ở nhà, trong đó chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động dạy học theo 4 hoạt động: Giao nhiệm vụ, tổ chức cho học sinh thực hiện, học sinh báo cáo kết quả thực hiện, giáo viên đánh giá kết quả thực hiện. Nhiều đơn vị đã quan tâm tới việc xây dựng chủ đề trong dạy học và đưa vào trong chương trình nhà trường. Nội dung dạy học đã được tích hợp với các vấn đề thực tiễn sinh động của cuộc sống. Bên cạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, các đơn vị rất quan tâm tới việc đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học như: Hình thức thảo luận nhóm, tổ chức cuộc thi, tổ chức trò chơi, các câu lạc bộ, tham quan dã ngoại. Với sự đa dạng các hình thức tổ chức dạy học như vậy, tiết dạy của giáo viên không chỉ đơn thuần diễn ra trong lớp học mà được diễn ra không gian ngoài lớp học với việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn liền với các tiết dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn, chủ đề giáo dục STEM.

Về đổi mới sinh hoạt chuyên môn, căn cứ các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn công tác chuyên môn, trong năm học 2023-2024, phòng GD&ĐT huyện chú trọng tới việc cử các đồng chí cán bộ, giáo viên tham dự đầy đủ các chuyên đề chuyên môn cấp thành phố; tổ chức các hoạt động chuyên đề, hội thảo cho giáo viên các trường THCS trong toàn huyện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, trong đó chú trọng các chuyên đề ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT, chuyên đề đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá theo Chương trình GDPT 2018, chuyên đề SHCM theo hướng nghiên cứu bài học, cụ thể đã tổ chức được 451 buổi sinh hoạt chuyên môn cấp trường, 22 buổi sinh hoạt chuyên môn cấp cụm và 03 buổi sinh hoạt chuyên môn cấp huyện². Năm học 2023-2024 toàn huyện đã thực hiện 346 chủ đề giáo dục STEM thuộc các bộ môn Vật lý, Công nghệ, Sinh học, Toán học 712 tiết hoạt động giáo dục kỹ năng sống, 1351 hoạt động trải nghiệm. Còn lại các chủ đề tích hợp, **(Phụ lục 6)**.

2.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc đổi mới phương pháp dạy học của một số giáo viên nặng về phương pháp truyền thống, chưa tiếp cận được phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh; kế hoạch dạy học chưa thể hiện tính sáng tạo; việc ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng kỹ thuật dạy học còn nhiều hạn chế. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, tiết dạy còn nặng về hình thức, chưa có được những giải pháp tháo gỡ khó khăn của học sinh;

Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế nêu trên là do nhiều giáo viên tuổi đã cao nên khả năng tiếp thu và ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật dạy học và

² Các trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp huyện THCS Giang Biên, Cổ Am - Vĩnh Tiến, Lý Học - Liên Am.

tiếp thu các kiến thức mới còn hạn chế; nhất là khả năng liên hệ kiến thức môn học với các tình huống thực tiễn của đời sống.

Do đội ngũ giáo viên của các trường thừa thiếu cục bộ; hầu hết đội ngũ giáo viên được đào tạo theo chương trình cũ nên việc thực hiện chương trình mới gặp rất nhiều khó khăn, nhất là một số môn học mới như môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử - Đại lý và các hoạt động giáo dục tập thể...

3. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh

3.1. Công việc đã triển khai

Các trường THCS đã triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện việc kiểm tra giá thường xuyên, định kỳ kết quả học tập và rèn luyện của học sinh lớp 9 theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020; lớp 6,7,8 theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trong đó phòng GDĐT huyện tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trong toàn huyện điều chỉnh cấu trúc ma trận đề kiểm tra theo định hướng của Sở GDĐT, trong đó tập trung cao việc xây dựng ngân hàng đề môn Ngữ văn, môn Toán, môn Tiếng Anh theo ma trận đặc tả. Đồng thời yêu cầu các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra việc kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ theo thông tư của Bộ GD&ĐT.

3.2. Kết quả đạt được

Qua kiểm tra nhận thấy, đề kiểm tra định kì của các trường bước đầu xây dựng ma trận theo tinh thần đổi mới; tăng cường theo hướng mở và được gắn liền với đời sống thực tiễn nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Hình thức kiểm tra đa dạng hóa các loại hình kiểm tra thường xuyên như: *vấn đáp, bài viết, trắc nghiệm, làm bài trên máy tính, sản phẩm, dự án...* yêu cầu có lưu minh chứng cho các hình thức kiểm tra. Đề kiểm tra định kì được thống nhất trong tổ/nhóm chuyên môn và được BGH phê duyệt trước khi kiểm tra. Việc lấy điểm của các đơn vị đảm bảo đủ cơ sở điểm theo quy định, quản lý nghiêm túc tiến độ thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và định kì. Việc chấm, trả bài được thực hiện nghiêm túc theo đúng thời gian quy định, trong đó chú trọng đến lời phê và sửa bài cho học sinh. Công tác kiểm tra của các trường và nhận xét, đánh giá học sinh trong việc kiểm tra đảm bảo khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh. Đối với đánh giá xếp loại học sinh cuối học kì I, cuối các trường đã hướng dẫn giáo viên thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại học sinh. Nhiều đơn vị trong huyện đã chú trọng công tác kiểm tra nội bộ, trong đó kiểm tra hồ sơ chuyên môn của các tổ, nhóm chuyên môn, các giáo viên có biên bản lưu đầy đủ.

Công tác Khảo sát chất lượng (KSCL) được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm bài KSCL. Kết quả KSCL ngoài một số đơn vị có sự tăng trưởng so với năm học trước như THCS Đồng Minh, Hưng Nhân, Vinh Quang-Thanh Lương, Hòa Bình -Trần Dương, Cổ Am - Vinh Tiến...(Phụ lục 7).

3.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Một số đề kiểm tra của các môn còn thiếu khoa học, chưa phát huy được năng lực, phẩm chất của học sinh, nhất là những kiến thức liên quan đến thực tiễn đời sống; việc tiếp cận, thiết kế các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên chưa bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ và Sở GD&ĐT; đề kiểm tra chưa bám sát vào ma trận, đáp án biểu điểm thiếu khoa học; chưa phù hợp với mục tiêu học tập và khả năng của học sinh. Hình thức kiểm tra đánh giá chưa đa dạng, nhất là kỹ năng nghe, nói trong môn Ngữ văn và Tiếng Anh.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên do giáo viên chưa bám sát mục tiêu của các môn theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; khả năng tiếp cận kiến thức mới trong kiểm tra đánh giá còn chậm; nhiều đề đánh giá học sinh vẫn theo lối cũ, nặng về kiến thức hàn lâm, thiếu đổi mới sáng tạo...Nhất là việc kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh và năng lực vận dụng các kiến thức được học vào giải quyết các vấn đề thực tế; chưa có các buổi sinh hoạt chuyên đề cấp cụm, cấp huyện để định hướng, thống nhất về kiểm tra đánh giá chung cho giáo viên.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh

4.1. Công việc đã triển khai

Nhận thức được công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS (TN THCS) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mỗi cá nhân và toàn xã hội, góp phần cung ứng nguồn nhân lực với cơ cấu phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế, tạo cơ hội được học tập suốt đời cho mọi người, hướng tới xây dựng xã hội học tập. Phòng GD&ĐT Vĩnh Bảo đã thực hiện tốt việc phổ biến, triển khai đến các đơn vị các văn bản như: Nghị quyết số 29-NQ/TW với mục tiêu: “Bảo đảm cho học sinh có trình độ THCS có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau THCS, THPT phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng”; Chỉ thị số 10-CT/TW về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập GDTH và THCS và xóa mù chữ cho người lớn; Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; Kế hoạch số 126/KH-UBND, ngày 24 tháng 4 năm 2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện Đề án "giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng". Đồng thời chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở (TN THCS) năm học 2023-2024.

4.2. Kết quả đã đạt

Với những việc làm và chủ động tích cực đó đến nay, công tác phân luồng học sinh sau TN THCS của huyện Vĩnh Bảo bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Tỷ lệ phân luồng học sinh sau TN THCS đi vào học TTGDTX, học sơ cấp, trung cấp nghề được tăng lên hàng năm. Cụ thể: năm 2022 -2023 là 9,1%, năm 2023-2024 là 11.53% (Phụ lục 8).

4.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh một số kết quả đã đạt nhưng vẫn còn gặp không ít những tồn tại, hạn chế như: tỷ lệ phân luồng học sinh sau TN THCS hiện nay của huyện còn thấp so với chỉ tiêu (*số HS sau TN THCS vào học lớp 10 THPT hàng năm khoảng 88%*); cơ sở vật chất và các phương tiện dạy học của các trường THCS, TTGDNN-GDTX huyện còn thiếu thốn chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học, dạy nghề;

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên là do công tác phân luồng học sinh sau TN THCS là vấn đề hết sức phức tạp, không chỉ là vấn đề của ngành GD&ĐT mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của các trường phổ thông, của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giáo dục đại học (GDĐH), của các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng người lao động và của cả học sinh và phụ huynh.

Thứ hai, việc nhận thức về mục tiêu quan trọng của công tác phân luồng học sinh sau TN THCS nhằm định hướng cho HS lựa chọn hướng đi phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng, hoàn cảnh và đặc điểm tâm sinh lý của của bản thân học sinh của giáo viên vẫn còn nhiều hạn chế³.

Thứ ba, do tâm lý, nhận thức của hầu hết các phụ huynh với mong muốn, con em được học hết THPT để có điều kiện thi vào các trường Cao đẳng, Đại học dẫn đến tỷ lệ học sinh tham gia tuyển sinh vào lớp 10 THPT hàng năm luôn chiếm tỷ lệ đến trên 90%.

Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT của Sở GD&ĐT hàng năm còn bất cập dẫn đến công tác phân luồng học sinh sau TN THCS đạt hiệu quả chưa cao.

5. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, đảm bảo an toàn trường học.

5.1. Công việc đã triển khai

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hải Phòng. Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó yêu cầu yêu cầu các đơn vị thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng và sử dụng khẩu hiệu phù hợp trong khuôn viên trường học, trong đó yêu cầu mỗi thành viên nhà trường; từ hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên đến từng học sinh phải nắm được các quy định về chuẩn mực đạo đức chung, biết rõ những việc nên hoặc không nên làm... Bên cạnh đó, nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp; đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm và các hoạt động nhân đạo, từ thiện...; đồng thời đưa nội dung giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông bằng việc lồng ghép tích hợp vào trong các môn học như môn GDCD, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý và thông qua các hoạt động giáo dục tập thể trong các tiết sinh hoạt NGLL, chào cờ, các chuyên đề hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa, các chuyên đề của Đội cấp huyện, cấp thành phố, liên kết các trung tâm dạy kỹ năng sống được

³ Mục tiêu của việc phân luồng sau TN THCS là tạo cơ hội cho họ tiếp tục học tập có hiệu quả; phù hợp với yêu cầu nhân lực của xã hội, của nền kinh tế; góp phần điều chỉnh cơ cấu trình độ và ngành nghề đào tạo nhân lực, đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu nhân lực, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế là một nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới giáo dục.

Sở GDĐT đã cấp phép. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền phòng về công tác an toàn giao thông, công tác phòng chống ma túy, tội phạm, bạo lực học đường cũng được các đơn vị quan tâm.

5.2. Kết quả thực hiện

100% các đơn vị đã đưa nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông vào trong kế hoạch giáo dục nhà trường và trong một số môn học, các chủ đề tích hợp và các hoạt động giáo dục tập thể, các hoạt động trải nghiệm. Cụ thể trong năm học 2023-2024 toàn huyện đã thực hiện được 931 chủ đề tích hợp, tổ chức được 103 hoạt động trải nghiệm. Tổ chức được 3 chuyên đề Đội. với năm học 2022-2023, hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, lối sống, giáo dục an toàn giao thông đã được các đơn vị quan tâm và tổ chức triển khai thực hiện khá nghiêm túc từ việc đưa nội dung vào trong kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện với nhiều hình thức tổ chức có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Một số đơn vị đã tổ chức chuyên đề cấp trường, cấp huyện, cấp thành phố để giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường cho học sinh

5.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông cho học sinh tuy đã được các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện chưa được bài bản, khoa học và thường xuyên liên tục, nhất là việc tích hợp lồng ghép trong các bộ môn nhiều khi chỉ có tính hình thức nên dẫn đến chất lượng và hiệu quả chưa cao;

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục trong nhà trường chủ yếu tập trung vào dạy văn hóa nên việc tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống chưa được cụ thể hóa trong kế hoạch của nhà trường.

6. Việc triển khai chuyển đổi số trong nhà trường

6.1. Công việc đã triển khai

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tích cực chỉ đạo để các đơn vị xây dựng phòng học thông minh, thư viện số, phòng học STEM, trang thiết bị tin học phục vụ nhu cầu học tập của các em học sinh, bước đầu triển khai có hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng các phòng học tin học, phục vụ giảng dạy môn tin học và tiếng Anh, hoàn thiện kho học liệu số của đơn vị, các hình thức quản lý hồ sơ học bạ điện tử thay cho giáo án giấy, xây dựng kho học liệu số theo sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Kết quả đạt được

Đến nay hầu hết các trường đã có sự tập trung đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin; mọi khu vực trong trường đều có kết nối Internet ổn định; các thiết bị công nghệ cho giáo viên và học sinh (máy tính, máy tính bảng, máy chiếu, bảng thông minh, v.v cơ bản được đảm bảo. Một số đơn vị đã có sự kết nối mạng nội bộ (LAN/Wi-Fi) có tính bảo mật bảo mật; nhiều đơn vị đã sử dụng hiệu quả hệ thống LMS để quản lý bài giảng, bài tập, và đánh giá học sinh. Việc thực hiện nội dung

số hóa đã được nhiều trường quan tâm qua hệ thống thư viện điện tử (*Tỉ lệ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, đề kiểm tra và bài giảng được số hóa khá cao*). Hệ thống quản lý dữ liệu ngành được cập nhật thường xuyên, khoa học, bài bản; việc ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý và dạy học góp phần từng bước được cải thiện trong kết quả học tập và chất lượng giảng dạy của giáo viên; khả năng thu thập, quản lý và sử dụng dữ liệu, mức tự động hóa các quy trình quản lý và hành chính trong nhà trường có sự thay đổi rõ rệt.

6.3. Tồn tại hạn chế

Do nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên một số trường không thể đầu tư vào thiết bị công nghệ và phần mềm cần thiết cho chuyển đổi số. Một bộ phận không nhỏ giáo viên, nhân viên chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý. Vẫn còn tình trạng giáo viên và nhân viên có tâm lý ngại thay đổi và thiếu động lực để tiếp cận công nghệ mới.

Việc khắc phục các hạn chế trên đòi hỏi sự quan tâm, đầu tư và phối hợp từ nhiều phía, bao gồm Nhà nước, nhà trường, giáo viên, phụ huynh và cộng đồng. Chỉ khi có sự đồng thuận và hỗ trợ toàn diện, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục mới có thể đạt được hiệu quả cao nhất.

7. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm, dạy học liên kết trong nhà trường

7.1. Công việc đã triển khai

Ngay từ đầu năm học phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nhiều cuộc họp giao ban hiệu trưởng, giao ban chuyên môn, định hướng quán triệt và chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt các hoạt động dạy thêm, học thêm theo đúng quy định, trên tinh thần tự nguyện của học sinh và phụ huynh học sinh. Thực hiện công tác kiểm tra dạy thêm học thêm, đặc biệt là việc tổ chức dạy thêm cho học sinh khối 9 và ôn thi vào lớp 10 THPT. Đối với việc dạy liên kết, Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường liên kết với các Trung tâm có uy tín đã được Sở GD&ĐT cấp phép; đồng thời yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc các thủ tục theo quy định, thực hiện tốt công tác quản lý hướng tới việc nâng cao chất lượng giáo dục **(Phụ lục 9)**.

7.2. Kết quả đạt được

- 100% các trường đã xây dựng kế hoạch dạy thêm, học thêm và đảm bảo đủ hồ sơ và các thủ tục theo quy định; đảm bảo sự đồng thuận của cha mẹ học sinh; việc tổ chức dạy thêm, học thêm được thực hiện nghiêm túc về số buổi, mức thu, mức chi theo các văn bản hiện hành. Nhiều đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý trong dạy thêm học thêm từ khâu xây dựng kế hoạch dạy các bộ môn cho đến việc thực hiện trên lớp, công tác kiểm tra dạy thêm học thêm... Những việc làm đó đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi, chất lượng điểm thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

Về thực hiện dạy liên kết, nhiều đơn vị đã triển khai tốt các hoạt động liên kết với một số đơn vị đã thực hiện liên kết với các Trung tâm đã được Sở GD&ĐT cấp phép, đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục, đảm bảo sự đồng thuận của cha mẹ học sinh; công

tác quản lý dạy liên kết đã được quan tâm đúng mức; được phụ huynh tin tưởng, đánh giá cao qua đó góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh theo đúng tinh thần của chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Có 3 đơn vị thực hiện liên kết kỹ năng sống với 1164 em học sinh đăng ký tham gia học tập với trung tâm Kỹ năng sống Phương Mai.

7.3. Tồn tại hạn chế

- Việc xây dựng kế hoạch dạy thêm của nhà trường, của giáo viên dạy môn Toán, Ngữ Văn của một số đơn vị chưa khoa học, chưa bám sát mục tiêu Chương trình 2018; công tác quản lý, kiểm tra đánh giá hiệu quả công tác dạy thêm còn hạn chế; chưa động viên khuyến khích được những giáo viên dạy có hiệu quả cao; chưa phân loại được học sinh trong quá trình tổ chức dạy thêm, học thêm...

8. Kết quả các kỳ thi

8.1. Công việc đã triển khai

Năm học 2023 - 2024 Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Bảo đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều Kỳ thi/ Cuộc thi học sinh giỏi để tìm kiếm và đào tạo nguồn học sinh giỏi có chất lượng. Trong đội tuyển Toán, Văn, Anh lớp 9 lấy kết quả của kỳ giao lưu lớp 8 năm học trước để đưa vào đội dự tuyển, chủ động bồi dưỡng và chọn lọc vào đội tuyển chính thức sớm với mục đích chuyển một số học còn lại sang ôn tập bồi dưỡng các môn còn lại. Công tác quản lý, động viên, khuyến khích giáo viên và học sinh đã được UBND huyện, Phòng GD&ĐT, các trường quan tâm cả về thời gian, cơ chế động viên khuyến khích, khen thưởng.

8.2. Kết quả đạt được

Đối với kỳ thi học sinh giỏi huyện, trong năm học 2023-2024, phòng giáo dục và Đào tạo đã tổ chức được 8 kỳ thi và kỳ giao lưu học sinh giỏi⁴ và phối hợp với Trung tâm Thể dục - Thể thao huyện tổ chức giải Vật tự do, giải Việt dã, giải bơi. Tổng số 3239 học sinh tham gia của 19 trường THCS đạt 1983 giải đạt tỷ lệ 61.2%; Kết quả đạt được là: giải nhất 213 em, giải nhì 360 em, giải ba 518 em, giải khuyến khích là 577 em, cụ thể như sau:

+ Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa lớp 9 có 341 học sinh đoạt giải trong đó có 26 giải nhất, 103 giải Nhì, 89 giải Ba, 123 giải Khuyến khích.

+ Giao lưu học sinh giỏi văn hóa lớp 6,7,8 có 625 học sinh đoạt giải trong đó có 51 giải Nhất, 180 giải Nhì, 213 giải Ba, 181 giải Khuyến khích.

+ Cuộc thi Khoa học kỹ thuật, Toán và KHTN bằng Tiếng Anh, Giải Toán Casio có 254 học sinh đoạt giải trong đó có 27 giải Nhất, 67 giải Nhì, 86 giải Ba, 74 giải Khuyến khích.

+ Thi Thư pháp, sơn ca, MC dẫn chương trình, múa: có 125 học sinh đoạt giải trong đó có 8 giải Nhất, 17 giải Nhì, 31 giải Ba, 69 giải Khuyến khích.

⁴ Kỳ thi CSIO, KHKT, Toán Bằng Tiếng Anh, các môn KHTN, Viết thư pháp, TDTT, HSG văn hóa lớp 9, giao lưu chọn HSG lớp 6,7,8.

+ Thử nghiệm thể thao có 638 học sinh đoạt giải trong đó có 101 giải Nhất, 96 giải Nhì, 188 giải Ba, 253 giải Khuyến khích.

Đối với học sinh giỏi thành phố có nhiều sự tiến bộ cả về số lượng lẫn chất lượng giải so với năm học trước. Tổng cộng có 268 học sinh tham gia, có 224 học sinh đạt giải, chiếm tỷ lệ 83%; trong đó học sinh giỏi văn hóa lớp 9 có 144 học sinh tham gia, có 127 học sinh đạt giải, chiếm tỷ lệ 88.1%.⁵ Số giải xếp thứ 3/14 quận, huyện; lượng hoá bằng điểm số Vĩnh Bảo xếp thứ 4/14 quận huyện, tăng 2 bậc so với năm học trước.⁶ **(Phụ lục 10)**

8.3. Tồn tại, hạn chế

- Một số Cuộc thi, môn thi chất lượng chưa cao như Cuộc thi Khoa học kỹ thuật, môn Tiếng Anh lớp 9... Có 04 đơn vị chưa có sự quyết tâm cao, chưa có học sinh lọt vào đội tuyển chính thức⁷;

- Nguồn kinh phí để chi cho công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, công tác bồi dưỡng đội ngũ còn nhiều hạn chế; việc huy động giáo viên các trường dạy đội tuyển còn gặp nhiều khó khăn do còn phải đảm đương công việc của nhà trường.

9. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục

9.1. Kết quả đạt được

- Đối với học sinh lớp 6,7,8 thực hiện Chương trình GDPT 2018:

Tổng số học sinh lớp 6,7,8 là 9747 học sinh, trong đó có 9726 học sinh tham gia đánh giá, kết quả cụ thể:

+ Đánh giá kết quả rèn luyện: Tốt đạt 84,38%, Khá đạt 10,96%, Đạt 2,87%, Chưa đạt 0.53%;

+ Đánh giá kết quả học tập: Tốt 41%, Khá đạt 36,77%, Đạt 19,7%, Chưa đạt: 2,43%, **(Phụ lục 11).**

- Đối với HS lớp 9 theo Chương trình GDPT 2006:

Tổng số học sinh khối 9 là 2705 học sinh, kết quả cụ thể:

+ Kết quả xếp loại hạnh kiểm: Hạnh kiểm tốt 89,91% (tăng 0,33% so với năm học trước), Khá 8,85% (giảm 0,15% so với năm học trước), trung bình 1,23% (giảm 0,2% so với năm học trước), yếu 0% (giảm 0,03% so với năm học trước)

+ Kết quả xếp loại học lực: Giỏi đạt 44,23% (tăng 1,56% so với năm học trước), Khá 37,29% (tăng 3% so với năm học trước), T/B 18.31% (tăng 0,52% so với năm học trước), Yếu 0,12% (giảm 0,2% so với năm học trước), kém 0,05%, **(Phụ lục 12).**

9.2. Tồn tại, hạn chế

- Một số đơn vị, việc đánh giá xếp loại học sinh lớp 6,7,8 chưa nắm vững Thông tư 22/2021 của Bộ GD&ĐT nên việc đánh giá điểm kiểm tra thường xuyên chưa đa dạng các hình thức đánh giá (*hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí*

⁵ HSG thành phố có 13 giải Nhất: môn Vật lý 4, Hóa học 1, Công nghệ 1, Lịch sử 2; Địa lý 5; có 33 giải Nhì: môn Toán 5, Vật lý 6, Hóa học 1, Sinh học 2, Công Nghệ 1, Ngữ văn 3, Lịch sử 2, Địa lý 6, GDCD 7); 45 giải Ba và 36 giải Khuyến khích.

⁶ Quận Lê Chân xếp thứ 1, huyện Thủy Nguyên xếp thứ 2, quận Ngô Quyền xếp thứ 3.

⁷ Trường THCS Cộng Hiền, Hưng Nhân, Tân Hưng - Thị trấn, Thắng Thủy - Vĩnh Long.

nghiệm, sản phẩm học tập, dự án). Việc kiểm tra đánh giá định kỳ chưa quan tâm tới đánh giá bằng nhận xét học sinh;

- Kết quả đánh giá xếp loại về rèn luyện và học tập "Đạt" hay "Chưa đạt" của các đơn vị chưa đồng đều, còn phụ thuộc quan điểm chỉ đạo của nhà trường⁸.

10. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

10.1. Công việc đã triển khai

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Bộ và Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT huyện đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt một số nội dung sau:

Chỉ đạo các đơn vị chủ động rà soát, thống kê các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để xây kế hoạch đề xuất, mua sắm trang thiết bị dạy học, chuẩn bị tốt các điều kiện nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đồng thời rà soát, thống kê số lượng, cơ cấu giáo viên cấp THCS theo chuẩn đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2019 và cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục để báo cáo phòng GD&ĐT huyện phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên; động viên giáo viên tham gia học bồi dưỡng các môn như KHTN, Lịch sử - Đại lý và tâm lý học đường... để đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018;

Chỉ đạo các đơn vị ra quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và đưa nội dung nghiên cứu Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 vào trong kế hoạch tổ chức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn. Thực hiện tốt các chuyên đề đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, quán triệt sâu rộng các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo kế hoạch của Bộ và Sở GD&ĐT.

Hướng dẫn các đơn vị nghiên cứu thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 6, lớp 7, lớp 8 theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT.

Tổ chức giao ban Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các đơn vị để hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo Công văn số 05/SGDĐT, ngày 05/01/2021 của Sở GD&ĐT Hải Phòng.

10.2. Kết quả thực hiện

Các đơn vị đã tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với đặc điểm, tình hình của nhà trường và địa phương một cách chủ động, linh hoạt, cụ thể như sau:

⁸ Tham khảo phụ lục đánh giá xếp loại học sinh lớp 6,7,8.

Về cơ sở vật chất, các đơn vị đã chủ động huy động các nguồn lực để chuẩn bị tốt về phòng học, phòng chức năng và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 44/TT/2020 của Bộ GD&ĐT. Tổng kinh phí được huy động từ nguồn ngân sách để mua sắm thiết bị dạy tối thiểu theo Thông tư của các trường THCS trong năm học là 9.905 triệu đồng. Về phòng học, phòng chức năng, qua kiểm tra rà soát và báo cáo của các đơn vị cho thấy cơ bản các đơn vị có đầy đủ các phòng học với tỷ lệ số lớp/phòng là 313/315 là 99.3%.

Về đội ngũ giáo viên, 100% giáo viên các trường được phân công dạy lớp 8 tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch của trường, của phòng và Sở GD&ĐT. Trong năm học 2022-2023, 2023-2024, các trường đã động viên giáo viên tham gia các lớp học các lớp bồi dưỡng dạy các môn học mới. Kết quả đến nay số lượng giáo viên đi học lấy chứng chỉ đủ điều kiện dạy các môn học mới KHTN là 59 giáo viên; Lịch sử Địa lí là 83 giáo viên; Tâm lý là 30 giáo viên.

Kết quả việc lựa chọn SGK cho học sinh lớp 8 đã thực hiện theo đúng quy trình trong các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT; đồng thời phát huy tính chủ động, linh hoạt của cơ sở và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên⁹.

100% hoàn thành chương trình theo đúng kế hoạch. Chất lượng học tập đảm bảo chuẩn đầu ra theo yêu cầu cần đạt của chương trình. Đặc biệt học sinh lớp 6 năm học 2023-2024 có một số năng lực nổi trội hơn so với các khoá học trước thực hiện CT GDPT hiện hành.

10.3. Một số vấn đề tồn tại

Nguồn kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học còn hạn chế, việc tổ chức mua sắm trang thiết bị dạy học thực hiện chậm và chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là các thiết bị dạy học hiện đại.

Tình trạng thiếu giáo viên Toán, Ngữ văn và môn Tin học ngoại ngữ vẫn còn thiếu ở một số đơn vị; kế hoạch giáo dục nhà trường còn thiếu khoa học, nhất là việc phân công nhiệm vụ dạy một số bộ môn mới và tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể, hoạt động giáo dục địa phương (Phụ lục 13).

11. Giáo dục học sinh khuyết tật, hòa nhập

11.1. Công việc đã triển khai

Căn cứ các văn bản chỉ đạo, các đơn vị đã phổ biến các văn bản liên quan đến trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; các văn bản liên quan đến kiểm tra đánh giá, xét lên lớp¹⁰; đồng thời tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học

⁹ Kết quả lựa chọn SGK của huyện đối với các bộ môn chủ yếu tập trung ở hai bộ sách Cánh Diều và Kết nối tri thức với cuộc sống.

¹⁰ Luật người khuyết tật, các Thông tư, Nghị định, công văn hướng dẫn của Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan... đến học sinh hòa nhập, khuyết tật.

sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

11.2. Kết quả đã đạt

Toàn huyện hiện nay có 108 học sinh khuyết tật học hoà nhập (tăng 35 học sinh so với năm học trước), trong đó có 08 HS lớp 9 được tuyển thẳng vào lớp 10 THPT.

Nhìn chung các đơn vị đã có sự quan tâm tới công tác giáo dục hòa nhập, khuyết tật; từ việc phổ biến các văn bản liên quan tới chế độ của học sinh đến việc phổ biến hướng dẫn kiểm tra đánh giá, thiết lập hồ sơ theo quy định. Nhiều đơn vị đã quan tâm tới việc kiểm tra, đánh giá học sinh hòa nhập, khuyết tật đảm bảo đúng nguyên tắc căn cứ vào mục tiêu, nội dung, có sự động viên, khuyến khích; chú trọng trong quá trình rèn luyện kỹ năng sống và khả năng hòa nhập và sự tiến bộ của học sinh. Các trường đơn vị đã thực hiện tốt việc phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị trên địa bàn xã, huyện để tổ chức trao quà cho học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Năm học 2023-2024, toàn huyện có 1.156 học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tặng xe đạp, tặng quà trong các dịp Lễ, Tết (Khai giảng năm học mới, Trung thu, tết Nguyên Đán)... với tổng kinh phí trị giá 370 triệu đồng (*Phụ lục 14*).

11.3. Tồn tại, hạn chế

Việc triển khai, phổ biến các văn bản liên quan đến công tác giáo dục hòa nhập, khuyết tật chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến kết quả tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chưa cao, thiếu tính thống nhất; việc xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh hòa nhập, khuyết tật chưa khoa học, thậm chí còn lúng túng trong công tác kiểm tra đánh giá, xét duyệt lên lớp. Việc triển khai phổ biến, chính sách đối với học sinh khuyết tật, hòa nhập chưa được quan tâm. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh hòa nhập khuyết tật và thực hiện các chế độ chính sách của phòng GD&ĐT và các trường chưa được quan tâm thường xuyên.

Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế nêu trên là do một số đơn vị chưa thực sự quan tâm đúng mức về công tác giáo dục hòa nhập, khuyết tật; không có đội ngũ giáo viên chuyên trách về công tác giáo dục hòa nhập, khuyết tật. Các văn bản của các bộ, ngành không nhất quán và chông chéo ở các văn bản hướng dẫn thực hiện (*ng nghị định, thông tư và các qui định ngành*); đặc biệt là chế độ đãi ngộ giáo viên trong lớp có học sinh hòa nhập, khuyết tật.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm học 2023 - 2024 tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các trường đã nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Các đơn vị trong toàn huyện đã thực hiện nghiêm túc kế hoạch và chương trình giáo dục nhà trường, đồng thời chủ động, tích cực xây dựng chương trình giáo dục trong nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

Các đơn vị đã chủ động, tích cực trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên đề cấp trường, cấp cụm. Nội dung của các chuyên đề đã tập trung vấn đề trọng tâm của năm học theo định hướng của Sở và Phòng GDĐT chỉ đạo. Đã có sự tập trung cao, quyết liệt trong công tác ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT; công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi đạt nhiều kết quả tiến bộ so với năm học trước.

Các trường học đã chủ động tham mưu với các cấp lãnh đạo, cha mẹ học sinh tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất nhà trường. Tích cực rà soát và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bồi dưỡng đội ngũ, quản lý hồ sơ sổ sách theo hướng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.

Các trường đã tổ chức được nhiều hoạt động trải nghiệm sáng tạo và xây dựng được nhiều chủ đề dạy học thu hút được sự tham gia tích cực của học sinh, cha mẹ học sinh các trường. Nhiều đơn vị đã huy động được cha mẹ học sinh vào cuộc, quan tâm về vật chất, tinh thần và trực tiếp tham gia vào các hoạt động của học sinh trong đó có tặng quà và xe đạp cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

2. Những tồn tại, hạn chế, giải pháp cần khắc phục

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục; việc sử dụng thiết bị đồ dùng hiệu quả chưa cao. Vì thế các đơn vị cần tích cực, chủ động tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương có sự đầu tư trong việc cải tạo cơ sở sửa chữa, các phòng học, phòng chức năng; thực hiện tốt việc huy động nguồn kinh phí để mua sắm trang thiết bị dạy học kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc sử dụng thiết bị đồ dùng.

Về xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục các môn còn thiếu khoa học, nhất những nội dung giáo dục tập thể, hoạt động giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm.... Đề nghị Ban giám hiệu các trường cần quan tâm xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục các môn đảm bảo tính khoa học, tính khả thi, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình mới và phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường;

Về đội ngũ giáo viên của một số đơn vị còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Vì vậy các đơn vị có sự động viên, khuyến khích giáo viên, khơi dậy sự tâm huyết trong công tác quản lý và giảng dạy, tính tự học, sáng tạo; tích cực tham gia các lớp học đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới.

Về đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực nhiều giáo viên còn lúng túng, chưa bám vào mục tiêu của Chương trình 2018. Việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn, số lượng các chuyên đề cấp huyện còn ít, hiệu quả chưa cao. Trong năm học tới là năm cuối thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 9, đặc biệt kỳ thi tuyển sinh vào

lớp 10 THPT, Phòng GD&ĐT cùng với các trường cần tập trung xây dựng các chuyên đề có chất lượng về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh; xây dựng chủ đề môn học; nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất phối hợp với các Sở, ngành có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn điều chỉnh số tiền dạy thêm học thêm/tháng đối với các huyện ngoại thành; sớm có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ chuyên môn năm học 2023-2024.

- Tăng cường công tác chỉ đạo đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh; tiếp tục đổi mới hình thức thi tuyển sinh và cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Sớm triển khai kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng giáo sách giáo khoa và các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyên môn năm học 2024-2025. Đồng thời sớm ban hành kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2025 cùng với định hướng cấu trúc đề tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

2. Với các trường TH&THCS, THCS

- Đề nghị các đơn vị thực hiện tốt công tác tham mưu UBND xã, thị trấn trong việc đầu tư nguồn kinh phí xây mới, cải tạo, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng, mua sắm trang thiết bị dạy học;

- Cần tập trung cao trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trong đó chú trọng việc tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi, chuyên đề ôn thi tuyển sinh vào lớp 10, THPT.

- Phối kết hợp với Ban cha mẹ học sinh có những cơ chế, hỗ trợ, động viên khuyến khích các thầy cô giáo, học sinh có thành tích trong năm học; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Phòng GDTrH Sở GD&ĐT HP (để báo cáo);
- Lãnh đạo và chuyên viên PGD&ĐT;
- Các trường TH&THCS, THCS;
- Lưu: VP.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Trần Đức Hải

